

Số: /TB-SCT

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực xuất nhập khẩu tại Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; Nghị định số 292/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BCT ngày 20/5/2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ các Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 14/5/2026; Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 5/6/2026; Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 18/6/2026; Quyết định số 3932/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng thông báo về việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính **lĩnh vực xuất nhập khẩu**¹ tại Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng, chi tiết các thủ tục tại phụ lục đính kèm.

Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng trân trọng thông báo đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- VP UBND thành phố;
- BQL Khu CNC và các KCN, BQL KKTM Chu Lai;
- Trung tâm phục vụ hành chính công TP;
- UBND phường, xã, đặc khu trên địa bàn TP;
- Các tổ chức, Hội, Hiệp hội, doanh nghiệp;
- BGĐ Sở (để b/c);
- Cổng TTĐT thành phố, website Sở;
- Lưu: VT, QLTM.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Thị Quỳnh Trâm

¹ Các TTHC đã được niêm yết, công khai thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng; công bố tại Cổng dịch vụ công quốc gia <https://dichvucong.gov.vn/> và website Sở Công Thương <https://socongthuong.danang.gov.vn/>.

Phụ lục
Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực xuất nhập khẩu
(Kèm theo Thông báo số /SCT-QLTM ngày tháng năm 2026
của Sở Công Thương)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính
1.	1.013778.H17	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh
2.	1.000350.H17	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam
3.	1.005405.H17	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam
4.	1.005406.H17	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam
5.	1.001062.H17	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất
6.	1.000957.H17	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác
7.	1.000905.H17	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập
8.	1.000890.H17	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu
9.	1.000400.H17	Cấp Chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico
10.	1.000477.H17	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật
11.	1.000363.H17	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà
12.	1.001238.H17	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương
13.	1.001104.H17	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương
14.	1.004191.H17	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu
15.	1.000264.H17	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản
16.	2.001272.H17	Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam – Lào
17.	1.000421.H17	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa
18.	1.012168.H17	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình

		Dương
19.	1.012527.H17	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA
20.	2.001282.H17	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá đã có quyết định tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh
21.	1.013771.H17	Thủ tục cấp giấy phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài
22.	1.001379.H17	Gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
23.	2.000654.H17	Thay đổi cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
24.	2.000006.H17	Cấp phép quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam
25.	1.013982.H17	Gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam
26.	2.000521.H17	Cấp giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm của Việt Nam nhưng không thuộc danh mục cấm của Campuchia
27.	1.000678.H17	Cấp giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm của Campuchia
28.	1.001051.H17	Cấp giấy phép quá cảnh đối với mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý
29.	2.000517.H17	Cấp phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh
30.	1.001382.H17	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
31.	2.001192.H17	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất, gia công quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài
32.	1.002808.H17	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép sản xuất, gia công quân phục cho lực lượng vũ trang nước ngoài
33.	2.001315.H17	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu mẫu quân phục
34.	1.002939. H17	Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới
35.	1.116351.H17	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép gia công hàng hóa